



VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/LS>



Original Article

## ESG Stewardship Regulations of Some Countries and Suggestions for Viet Nam

Nguyen Thi Quynh Anh\*

*The Sai Gon International University, 18 Tong Huu Dinh, An Khanh, Ho Chi Minh, Viet Nam*

Received 5<sup>th</sup> July 2025

Revised 30<sup>th</sup> October 2025; Accepted 20<sup>th</sup> March 2026

**Abstract:** Environmental, Social, and Governance (ESG) Stewardship has become an emerging trend in contemporary corporate governance. Accordingly, integrating ESG standards into business operations has become an inevitable and urgent requirement. The article introduces the global ESG stewardship ecosystem, examines the legal frameworks in several countries that support ESG stewardship, and proposes several recommendations for ESG management policies in Vietnam.

**Keywords:** ESG, ESG stewardship, sustainable development.

\* Corresponding author.

E-mail address: [anhntq.ls@gmail.com](mailto:anhntq.ls@gmail.com)

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4797>

# Quy định quản lý ESG của một số quốc gia và gợi mở cho Việt Nam

Nguyễn Thị Quỳnh Anh\*

*Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn, 18 Tổng Hữu Định, An Khánh, Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Nhận ngày 05 tháng 7 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 30 tháng 10 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 3 năm 2026

**Tóm tắt:** Quản lý ESG (môi trường, xã hội và quản trị) là xu hướng quản trị doanh nghiệp hiện đại. Theo đó, tích hợp các tiêu chuẩn ESG vào hoạt động của doanh nghiệp là yêu cầu tất yếu và cấp thiết. Bài viết giới thiệu hệ sinh thái quản lý ESG trên toàn cầu; phân tích khung pháp lý thúc đẩy quản lý ESG ở một số quốc gia trên thế giới; từ đó đưa ra một số gợi mở về chính sách quản lý ESG cho Việt Nam.

*Từ khóa:* ESG, quản lý ESG, phát triển bền vững.

## 1. Dẫn nhập

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và phát triển bền vững, yêu cầu tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị vào hoạt động kinh doanh trở thành xu hướng tất yếu của nền kinh tế thế giới. ESG ngày càng được sử dụng phổ biến như một khung đánh giá hoạt động của doanh nghiệp.

Theo Liên hợp quốc, ESG là một tập hợp các tiêu chí phi tài chính phản ánh cách thức doanh nghiệp quản lý các rủi ro và cơ hội liên quan đến môi trường, quan hệ xã hội và cơ cấu quản trị [1]. Tổ chức Tài chính Quốc tế cho rằng ESG không chỉ là công cụ báo cáo mà còn là khuôn khổ tích hợp để đo lường tính bền vững và khả năng phục hồi của doanh nghiệp trong dài hạn [2]. Trong khi đó, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế tiếp cận ESG như một nền tảng kết nối giữa lợi ích kinh tế của doanh nghiệp và lợi ích xã hội rộng lớn hơn, trong đó quản trị đóng vai trò bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và liêm chính của thị trường [3].

Từ góc độ học thuật, có thể nhận thấy ba

hướng tiếp cận chính về ESG: i) hướng đầu tư bền vững, coi ESG là công cụ đánh giá rủi ro và cơ hội trong quyết định đầu tư; ii) hướng quản trị doanh nghiệp, xem ESG là sự mở rộng khái niệm quản trị công ty, hướng tới trách nhiệm với các bên liên quan; và iii) hướng quyền con người và phát triển bền vững, nhấn mạnh mối liên hệ giữa ESG và nghĩa vụ tôn trọng quyền con người của doanh nghiệp.

Tiếp cận ESG như một thành tố cốt lõi của quản trị doanh nghiệp hiện đại, các nhà đầu tư đã coi ESG là một ưu tiên chính trong hoạt động giám sát và quản lý doanh nghiệp mà họ đầu tư [4]. ESG không chỉ hướng tới mục tiêu lợi nhuận, mà còn thúc đẩy các yếu tố về môi trường, xã hội phù hợp với từng doanh nghiệp nói riêng và xã hội nói chung [4]. Ở cấp độ nhà nước, nhiều quốc gia và khu vực, đặc biệt là Liên minh châu Âu (EU), đã chuyển từ cơ chế tự nguyện sang quy định bắt buộc về công bố thông tin và thẩm định trách nhiệm nhân quyền - môi trường.

Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với Việt

\* Tác giả liên hệ.

*Địa chỉ email:* anhntq.ls@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4797>

Nam trong việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý quản lý ESG, bảo đảm tương thích với xu hướng toàn cầu và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Bài viết này tập trung xem xét các tác nhân có vai trò thúc đẩy quản lý ESG ở phạm vi toàn cầu (gọi là “hệ sinh thái quản lý ESG”); phân tích khung pháp lý thúc đẩy quản lý ESG ở một số quốc gia trên thế giới (tập trung vào khu vực châu Âu); từ đó đưa ra một số gợi ý mở về chính sách quản lý ESG cho Việt Nam.

## 2. Hệ sinh thái quản lý ESG

Hệ sinh thái quản lý ESG là hình thức hội tụ quản trị doanh nghiệp xuyên quốc gia [5]. Theo đó, hoạt động quản lý ESG được thực hiện trước tiên bởi chính các nhà đầu tư, mạng lưới các nhà đầu tư và chính phủ mỗi quốc gia. Ngoài ra, các tác nhân phi nhà nước cũng tham gia với vai trò cung cấp các chuẩn mực và thực tế cho việc phổ biến, triển khai quản lý ESG (các cơ quan quốc tế, các tổ chức vận động tích cực quốc tế, các đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn ESG).

### 2.1. Các quốc gia

Theo đuổi công tác quản lý ESG, hầu hết các quốc gia sử dụng ba chiến lược pháp lý chính: bộ quy tắc quản lý đầu tư, quy định công bố thông tin và nghĩa vụ ủy thác [4].

Bộ quy tắc quản lý đầu tư đưa ra chính sách, chuẩn mực, tiêu chuẩn quản lý cho nhà đầu tư, nhà quản lý và nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ trong quản trị doanh nghiệp [6]. Các quốc gia điển hình sử dụng chiến lược này có thể kể đến như Vương quốc Anh, Đan Mạch, Hà Lan, Ý, Thụy Sĩ.

Trong khi đó, một số quốc gia sử dụng chiến lược minh bạch thông tin hoặc đưa ra nghĩa vụ ủy thác để quản lý ESG. So với các khu vực khác, Liên minh Châu Âu (EU) có khuôn khổ pháp lý toàn diện và hoàn thiện hơn cả. Gần đây EU đã ban hành một số quy định liên quan tới ESG như: Quy định Phân loại (EU Taxonomy Regulation, TR), Quy định Công bố thông tin tài chính bền vững (Sustainable Finance Disclosure Regulation, SFDR), Chỉ thị Thẩm định tính bền

vững của doanh nghiệp (Corporate Sustainability Due Diligence Directive, CSDDD), Chỉ thị Báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp (Corporate Sustainability Reporting Directive, CSRD), Chỉ thị Báo cáo phi tài chính (Non-Financial Reporting Directive, NFRD), và các đạo luật được ủy quyền đề cập về rủi ro bền vững và các yếu tố bền vững cần được tính đến trong cam kết đầu tư tập thể. Một số các quốc gia với đặc thù riêng cũng ban hành quy định liên quan đến quản lý ESG như Đạo luật chuỗi cung ứng của Đức (LkSG), Hướng dẫn thực hành thận trọng về thay đổi khí hậu và rủi ro tài chính của Úc (Climate Change Financial Risks - Prudential Practice Guide, CGP229),...

### 2.2. Các tác nhân phi nhà nước

2.2.1. Cơ quan quốc tế: đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển chuẩn mực và thông lệ quản lý ESG, tập trung vào sự hợp tác giữa nhà đầu tư với doanh nghiệp và các tổ chức liên quan. Có thể kể đến như Liên hợp quốc (UN) [7]; Hiệp hội PRI (PRI) [8]; Liên minh chủ sở hữu (the Owner Alliance) [9]; Liên minh các nhà quản lý (The Managers Alliance) [10]; các tổ chức quốc tế và siêu quốc gia như Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) [11]; Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) [12]. Trong đó, Liên Hợp quốc (LHQ) và các cơ quan của LHQ đi đầu trong việc tạo ra và phổ biến chuẩn mực ESG [13].

2.2.2. Các tổ chức vận động tích cực quốc tế: là những tổ chức phi thương mại tham gia vào hoạt động liên quan đến các vấn đề môi trường hoặc xã hội. Chẳng hạn như ShareAction [14] và Shareholder Commons [15] tham gia vào các hoạt động hợp tác quốc tế nhằm buộc các công ty đại chúng giải quyết vấn đề môi trường, xã hội và hợp tác chặt chẽ với các nhà đầu tư để đạt được mục tiêu.

2.2.3. Đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn ESG: là những nhà cung cấp dịch vụ về quản lý ESG như công ty cố vấn được ủy quyền, nhà cung cấp dữ liệu và nhà tư vấn. Nhà đầu tư sử dụng các đơn vị dịch vụ này để tiếp cận chuyên môn của họ, bổ sung cho các nguồn lực nội bộ và mở rộng phạm vi hoạt động. Nhiều tổ chức trong số này

là tổ chức đa quốc gia và nhà đầu tư sử dụng phạm vi tiếp cận quốc tế của họ để hỗ trợ hoạt động quản lý toàn cầu.

### 2.3. Nhà đầu tư, mạng lưới nhà đầu tư

2.3.1. Nhà đầu tư có hoạt động xuyên biên giới: nhà đầu tư đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển, phổ biến và triển khai các chuẩn mực, thông lệ quản lý ESG trên phạm vi quốc tế trong trường hợp họ có hoạt động xuyên biên giới. Cụ thể, nhà đầu tư có thể là “người nhập khẩu” các chuẩn mực và thông lệ quản lý ESG; hoặc là người ủng hộ, cho mượn sức mạnh đầu tư và kinh nghiệm của mình để hỗ trợ các sáng kiến của các nhà đầu tư địa phương.

2.3.2. Các hiệp hội, mạng lưới nhà đầu tư: Một số hiệp hội và mạng lưới nhà đầu tư xuyên quốc gia phát triển và thúc đẩy các chuẩn mực quản lý và hành vi thực hành ESG. Chẳng hạn như: Hiệp hội Quản trị doanh nghiệp Châu Á (ACGA) [16]; Liên minh Đầu tư bền vững toàn cầu (GSIA) [17]; Mạng lưới quản trị doanh nghiệp quốc tế (ICGN) [18]; Hiệp hội quản lý tài sản và quỹ châu Âu (EFAMA) [19]; Climate Action 100+ (CA100+) (tập trung vào biến đổi khí hậu) [20]; Investors Against Slavery and Trafficking APAC (tập trung vào chế độ nô lệ và nạn buôn người ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương) [21] và Nền tảng hợp tác của PRI (theo đuổi một loạt các vấn đề liên quan đến tính bền vững) [8].

## 3. Khung pháp lý quản lý ESG của một số quốc gia, khu vực

### 3.1. Quốc gia ban hành Bộ quy tắc quản lý đầu tư (Anh, Ý, Thụy Sĩ, Đan Mạch)

Anh là quốc gia đầu tiên ban hành Bộ quy tắc quản lý đầu tư liên quan đến ESG (SC-Stewardship Code) vào năm 2010 và được cập nhật vào năm 2019 [22]. SC đặt ra tiêu chuẩn quản lý để cải thiện lợi nhuận lâu dài và thực hiện hiệu quả trách nhiệm quản trị. Theo đó, môi trường, khí hậu, xã hội, quản trị là những yếu tố

được cân nhắc khi đưa ra quyết định đầu tư và thực hiện quản lý. SC cũng xác định biến đổi khí hậu là loại rủi ro hệ thống cần ứng phó. Đây là bộ quy tắc mang tính tự nguyện, được xây dựng trên nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm và niềm tin về vai trò của nhà đầu tư trong việc góp phần hạn chế định hướng ngắn hạn của các nhà quản lý trong công ty.

Trong khi đó, Bộ quy tắc của Ý không đề cập rõ ràng đến ESG hoặc sự bền vững. Tuy nhiên, theo đuổi “sự thành công bền vững trong hoạt động kinh doanh” là mục tiêu chính của hội đồng quản trị, nhằm tạo ra giá trị cho cổ đông và đóng góp cho xã hội nhiều hơn [23]. Đồng thời, công ty có nghĩa vụ tuân theo chiến lược đầu tư được chỉ ra bởi nhà đầu tư [4]. Bộ quy tắc cũng đưa ra quy định về việc thiết lập hướng dẫn về thời điểm và cách thức để nhà đầu tư can thiệp vào hoạt động của công ty nhằm bảo vệ và bảo đảm giá trị lâu dài.

Thụy Sĩ thì xem xét tính bền vững từ góc độ quyền tham gia của nhà đầu tư. Nhà đầu tư được yêu cầu quan tâm đến lợi ích của khách hàng và áp dụng “cách tiếp cận lâu dài và bền vững, trừ khi các hướng dẫn đầu tư có liên quan quy định ngược lại”. Nói cách khác, Bộ quy tắc của Thụy Sĩ tập trung nhiều vào người thụ hưởng/khách hàng hơn so với công ty. Có thể coi văn bản này là kết quả của sự hợp tác giữa các cơ quan công quyền và hiệp hội nhà đầu tư [4].

Với Đan Mạch - nơi mà luật về ESG tương đối tốt và quản trị doanh nghiệp tập trung vào các bên liên quan - nhu cầu nhấn mạnh mức độ cần thiết của ESG trong các quy tắc quản lý thấp hơn so với các quốc gia khác [4]. Bộ quy tắc của Đan Mạch đề cập đến mục đích “thúc đẩy việc tạo ra giá trị lâu dài của công ty, từ đó góp phần tối đa hóa lợi nhuận dài hạn cho nhà đầu tư”, đồng thời đề cập đến “trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp”.

Nhìn chung, các quốc gia hầu như tập trung vào việc tăng cường vai trò giám sát của nhà đầu tư và gắn kết với ban quản lý công ty. Chiến lược này đã đạt được thành công ở các quốc gia theo truyền thống thông luật và cả ở những quốc gia theo truyền thống dân luật như

Nhật Bản và Đan Mạch [4].

### 3.2. Liên minh EU

3.2.1. Chỉ thị Báo cáo phi tài chính (Non-Financial Reporting Directive - NFRD) [24]: NFRD công nhận tầm quan trọng của việc công bố thông tin liên quan đến yếu tố xã hội và môi trường, nhằm xác định rủi ro đối với tính bền vững, tăng cường niềm tin của nhà đầu tư và người tiêu dùng. Khía cạnh phi tài chính hoặc ESG được yêu cầu tích hợp vào chiến lược và báo cáo của công ty, nhằm tăng mức độ liên quan, tính đồng nhất và khả năng so sánh thông tin trong toàn Liên minh [25].

NFRD đề xuất một báo cáo phi tài chính cho doanh nghiệp lớn (Điều 19a) và báo cáo phi tài chính hợp nhất cho các đơn vị vì lợi ích công là công ty mẹ của một tập đoàn lớn (Điều 29a). Báo cáo phi tài chính phải bao gồm [24]: i) mô hình kinh doanh; ii) chính sách theo đuổi và quy trình thẩm định; iii) kết quả của chính sách theo đuổi; iv) rủi ro chính liên quan đến hoạt động; v) các chỉ số hiệu suất phi tài chính liên quan đến hoạt động kinh doanh; và vi) tham chiếu đến số liệu được ghi trong báo cáo tài chính.

Tuy nhiên, NFRD được đánh giá là chưa tác động mạnh mẽ tới nhiều doanh nghiệp và không đáp ứng các tiêu chí về xây dựng kinh tế song hành với phát triển xã hội bền vững và bảo vệ môi trường mà EU đề ra [26]. Đặc biệt, thông tin về khí thải nhà kính, đa dạng sinh học và tài sản vô hình như nguồn nhân lực, sở hữu trí tuệ,... không được cung cấp đầy đủ và thiếu minh bạch [27]. Điều này gây khó khăn cho các nhà đầu tư trong việc đánh giá cơ hội và rủi ro liên quan đến bền vững, cũng như hạn chế khả năng so sánh hiệu suất giữa các công ty. Đồng thời tồn tại tình trạng một số công ty không công bố báo cáo hoặc chỉ công bố mang tính đối phó với các quy định đề ra.

3.2.2. Quy định Công bố thông tin tài chính bền vững (Sustainable Finance Disclosure Regulation- SFDR) [28]: SFDR đặt mục tiêu giảm thiểu sự bất cân xứng về thông tin bằng cách yêu cầu những người tham gia thị trường tài chính, cố vấn tài chính phải công bố thông tin theo quy định (trên trang web, hoặc các kênh

khác); đồng thời các bên tham gia phải công bố cách tiếp cận của họ trong việc tích hợp các rủi ro bền vững và xem xét các tác động tiêu cực đến tính bền vững [25].

SFDR mở rộng việc công bố thông tin cho các sản phẩm tài chính tuyên bố có trọng tâm ESG nhằm tăng cường bảo vệ nhà đầu tư cuối cùng; cải thiện tính minh bạch của đầu tư bền vững để ngăn chặn tình trạng “tẩy xanh”; thu hút đầu tư vào sản phẩm bền vững để tạo điều kiện hiện thực hóa nền kinh tế các-bon thấp; phân loại sản phẩm đầu tư dựa trên mức độ của chúng về tính bền vững; chuẩn hóa việc công bố thông tin bằng cách thu thập dữ liệu công ty, báo cáo các chỉ số tác động tiêu cực chính và áp dụng các phương pháp quy định trong báo cáo [29].

3.2.3. Quy định Phân loại (EU Taxonomy Regulation - TR) [30]: TR là một hệ thống phân loại xanh cho các hoạt động kinh tế cụ thể để đánh giá hiệu suất môi trường tương ứng. Về bản chất, TR là hệ thống xác định tính bền vững về mặt môi trường và cung cấp cách thức để tính toán doanh thu bền vững. Cụ thể TR [25]: 1) bổ sung các quy tắc về tính minh bạch liên quan đến việc công bố thông tin; 2) thiết lập các tiêu chí để xác định liệu một hoạt động kinh tế/khoản đầu tư có đủ điều kiện để được coi là bền vững hay không.

Theo TR [25], một khoản đầu tư/hoạt động được coi là bền vững sinh thái nếu được thực hiện với các biện pháp bảo vệ tối thiểu, tuân thủ tiêu chí sàng lọc kỹ thuật đặt ra và theo đuổi ít nhất 1 trong 6 mục tiêu môi trường được quy định, không gây tổn hại đáng kể tới những mục tiêu giống nhau. Sáu mục tiêu môi trường được theo đuổi trong TR là: 1) giảm thiểu biến đổi khí hậu, 2) thích ứng với biến đổi khí hậu, 3) sử dụng và bảo vệ bền vững tài nguyên nước và biển, 4) chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn, 5) phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, 6) bảo vệ và phục hồi đa dạng sinh học và hệ sinh thái. Ngoài ra, TR còn tập trung vào: 1) Hoạt động chuyển đổi (những hoạt động không có giải pháp thay thế carbon thấp, nhưng hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế trung hòa khí hậu theo cách phù hợp); 2) hoạt động hỗ trợ (những hoạt động cho phép các hoạt động khác mang lại đóng góp trực

tiếp đáng kể cho các mục tiêu môi trường).

3.2.4. Chỉ thị Báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp (Corporate Sustainability Reporting Directive - CSRD) [31]: Là chỉ thị lấp đầy khoảng trống mà NFRD để lại. Với CSRD, phạm vi các doanh nghiệp có nghĩa vụ báo cáo được mở rộng, bao gồm doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ, chỉ trừ các doanh nghiệp siêu nhỏ. CSRD quy định chi tiết hơn về thông tin phi tài chính mà các doanh nghiệp phải báo cáo, nhằm hướng tới một hệ thống báo cáo phi tài chính thống nhất và bắt buộc.

Báo cáo bền vững phải bao gồm 8 nội dung: 1) mô hình và chiến lược kinh doanh; 2) mục tiêu có thời hạn liên quan đến vấn đề bền vững; 3) vai trò của các bộ phận trong doanh nghiệp đối với vấn đề bền vững; 4) chính sách của doanh nghiệp liên quan đến vấn đề bền vững; 5) các chương trình khuyến khích liên quan đến vấn đề bền vững được cung cấp cho thành viên của các bộ phận khác nhau trong doanh nghiệp; 6) quy trình thẩm định mà doanh nghiệp thực hiện đối với vấn đề bền vững, tác động tiêu cực hoặc tiềm ẩn chính liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và bất kỳ hành động nào mà doanh nghiệp thực hiện để ngăn ngừa, giảm thiểu, khắc phục hoặc chấm dứt tác động tiêu cực này; 7) các rủi ro chính đối với doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề bền vững; 8) các chỉ số liên quan đến những thông tin được tiết lộ ở 7 mục trên.

Như vậy, báo cáo bền vững theo CSRD được tiếp cận 2 chiều: doanh nghiệp báo cáo hoạt động của họ ảnh hưởng thế nào đến vấn đề bền vững (liên quan đến ESG), đồng thời doanh nghiệp cũng đánh giá và báo cáo về tác động của các vấn đề bền vững bên ngoài đến hoạt động của mình. Với tính trọng yếu kép này, CSRD kỳ vọng tới những báo cáo bền vững được xây dựng toàn diện, bao gồm tác động của doanh nghiệp lên môi trường, xã hội và cả ảnh hưởng của những yếu tố bên ngoài đối với hoạt động của doanh nghiệp. Có thể nói, CSRD đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

3.2.5. Chỉ thị Thẩm định tính bền vững của doanh nghiệp (Corporate Sustainability Due

Diligence Directive-CSDDD) [32]: CSDDD áp dụng cho doanh nghiệp lớn trong và ngoài EU, có doanh thu lớn và hoạt động đáng kể tại EU, đồng thời tác động gián tiếp đến toàn bộ chuỗi cung ứng mà các doanh nghiệp này kiểm soát hoặc hợp tác (Điều 2).

Điều 1 quy định nghĩa vụ thẩm định nhân quyền và môi trường đối với hoạt động kinh doanh và chuỗi cung ứng của doanh nghiệp, và nghĩa vụ thông qua kế hoạch chống biến đổi khí hậu. Điều 7 nêu nội dung của nghĩa vụ thẩm định phát triển bền vững (cung cấp tổng quan tóm tắt nội dung từ Điều 7 đến Điều 16) bao gồm [33]: 1) tích hợp thẩm định vào các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro; 2) phân tích tác động tiêu cực tiềm ẩn và thực tế của hoạt động kinh doanh; 3) ngăn chặn tác động tiêu cực thực tế, ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động tiềm ẩn; 4) thiết lập và duy trì cơ chế thông báo và khiếu nại; 5) giám sát để đánh giá tính hiệu quả của chính sách và chương trình thẩm định; 6) thông báo công khai về thẩm định; 7) xây dựng kế hoạch chuyển đổi khí hậu song song với các mục tiêu của Thỏa thuận Paris và 8) nếu có 1000 nhân viên, mức lương của các giám đốc sẽ gắn liền với việc đạt được các kế hoạch chuyển đổi khí hậu.

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2029, khi công khai báo cáo thường niên được đề cập trong Điều 16, các công ty phải nộp báo cáo đó cùng lúc cho Cơ quan Chứng khoán và Thị trường Châu Âu nhằm mục đích làm cho báo cáo có thể tiếp cận được trên điểm truy cập duy nhất của Châu Âu (ESAP) theo Quy định (EU) 2023/2859.

Mục đích của CSDDD là cải thiện khuôn khổ pháp lý về thẩm định thực tế quyền con người và tính bền vững, hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh và trung hòa khí hậu của EU. Ngoài ra, CSDDD thiết lập tính nhất quán giữa các chỉ thị khác nhau trong Liên minh châu Âu.

### 3.3. Pháp

Pháp thông qua Luật Nghĩa vụ cảnh giác của doanh nghiệp năm 2017 [34], bổ sung quy định vào Bộ luật Thương mại. Theo đó, đạo luật này tập trung vào trách nhiệm dân sự trong trường hợp có hành vi vi phạm và coi đây là quy tắc bắt

buộc quan trọng [35]. Đối tượng áp dụng là doanh nghiệp đáp ứng 03 tiêu chí: 1) đăng ký kinh doanh tại Pháp (bao gồm cả các công ty con tại Pháp của các tập đoàn nước ngoài); 2) tồn tại dưới một hình thức công ty đã được pháp luật Pháp quy định; 3) có số lượng lao động trên ngưỡng 5000 người đối với công ty con tại Pháp hoặc tối thiểu là 10.000 nhân viên trên toàn thế giới. Các doanh nghiệp này được yêu cầu phải lập kế hoạch giám sát để bảo vệ nhân quyền và môi trường. Kế hoạch được soạn thảo với sự tham gia của các bên liên quan của công ty (và của ngành hoặc ở quy mô khu vực nếu cần), và bao gồm 5 biện pháp sau: 1) lập bản đồ xác định, phân tích và xếp hạng rủi ro; 2) thủ tục đánh giá thường xuyên tình hình của công ty con, nhà thầu phụ hoặc nhà cung cấp mà công ty duy trì quan hệ thương mại đã thiết lập liên quan đến các rủi ro đã xác định; 3) hành động để giảm thiểu rủi ro hoặc ngăn ngừa thiệt hại nghiêm trọng; 4) cơ chế cảnh báo, tố giác và thu thập báo cáo liên quan đến việc tồn tại hoặc phát sinh rủi ro, được xây dựng với sự tham vấn của tổ chức công đoàn tại công ty; 5) cơ chế giám sát các biện pháp được thực hiện và đánh giá hiệu quả của chúng.

Theo quy định, nếu doanh nghiệp đã được gửi thông báo phải tuân thủ nghĩa vụ báo cáo nhưng không thực hiện trong vòng 3 tháng kể từ khi gửi thông báo chính thức, Tòa án có thẩm quyền có thể ra lệnh buộc công ty phải tuân thủ hoặc phạt tiền. Ngoài ra, hành vi vi phạm nghĩa vụ sẽ kích hoạt trách nhiệm của bên gây ra vi phạm và buộc bên đó phải bồi thường thiệt hại theo pháp luật dân sự của Pháp [36]. Quy định này cho phép các bên liên quan truy cứu trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với doanh nghiệp khi có hành vi vi phạm xảy ra.

### 3.4. Đức

Đạo luật Chuỗi cung ứng (LkSG) [37]: là sáng kiến nhằm thúc đẩy tính bền vững của doanh nghiệp, với mục tiêu cải thiện công tác bảo vệ nhân quyền trong chuỗi cung ứng toàn cầu từ năm 2023. Đạo luật này yêu cầu doanh nghiệp xây dựng cơ chế quản lý rủi ro cho các chuỗi cung ứng của mình và lồng ghép cơ chế đó

vào chu trình sản xuất, kinh doanh quan trọng.

LkSG không đưa ra định nghĩa về “tính bền vững” mà sử dụng nhiều thuật ngữ khác nhau như “mối quan tâm xã hội và sinh thái”, “các yếu tố ESG”,... Khái niệm “chuỗi cung ứng” được hiểu theo nghĩa rộng, theo đó Điều 2 đoạn 5 LkSG định nghĩa chuỗi cung ứng là “tất cả các bước ở Đức và nước ngoài cần thiết cho việc sản xuất hàng hóa và cung ứng dịch vụ, bắt đầu từ việc khai thác nguyên liệu thô và kết thúc bằng việc giao hàng cho khách hàng cuối cùng”.

Nội dung cốt lõi của LkSG thể hiện như sau [38]:

Doanh nghiệp phải thiết lập một hệ thống quản lý rủi ro nhằm ngăn ngừa rủi ro về nhân quyền và môi trường thông qua các phân tích thường xuyên, đưa ra biện pháp khắc phục và xây dựng hệ thống khiếu nại nội bộ (Điều 3 đoạn 1 LkSG); lập báo cáo về việc hoàn thành các nghĩa vụ thẩm định, bao gồm các biện pháp đã thực hiện liên quan đến hệ thống quản lý theo Điều 4 của LkSG và quản lý rủi ro theo Điều 5 của LkSG (Điều 10 LkSG).

Cơ quan Liên bang về Kiểm soát kinh tế và xuất khẩu có quyền chủ động hoặc theo yêu cầu kiểm tra báo cáo của doanh nghiệp về việc thực hiện thẩm định (Điều 14, 19 LkSG). Chủ thể được quyền yêu cầu kiểm tra bao gồm cá nhân bị ảnh hưởng trực tiếp, và một số pháp nhân như liên đoàn lao động, tổ chức phi chính phủ tham gia vào các vụ kiện dân sự để hỗ trợ và bảo vệ các bên yếu thế (Điều 11).

LkSG áp dụng các biện pháp hành chính công, bỏ qua trách nhiệm dân sự. Cụ thể, cơ quan quản lý có thể áp đặt khoản thanh toán bắt buộc (Zwangsgeld) đối với doanh nghiệp liên quan lên đến 50.000 euro (Điều 23). Trong trường hợp vi phạm các nghĩa vụ thẩm định, doanh nghiệp có thể bị phạt tiền (Bußgeld) (Điều 24). Tuy nhiên, LkSG không quy định về trách nhiệm dân sự, mà sẽ áp dụng theo Bộ Luật Dân sự. LkSG không đề cập đến thẩm quyền tài phán quốc tế và luật áp dụng.

Về phạm vi áp dụng, LkSG bỏ qua doanh nghiệp vừa và nhỏ, chỉ áp dụng cho doanh nghiệp lớn có trụ sở hành chính hoặc văn phòng đăng ký tại Đức, bao gồm các công ty có chi

nhánh tại Đức. Tuy nhiên, LkSG không giới hạn phạm vi áp dụng về loại hình doanh nghiệp (Điều 1 LkSG).

#### 4. Gợi mở về chính sách quản lý ESG cho Việt Nam

Với tư cách là một khuôn khổ quản trị và đầu tư mang tính toàn cầu, ESG đang thúc đẩy xu hướng hội tụ chuẩn mực và thông lệ quản lý giữa các quốc gia. Tuy nhiên, hoạt động quản lý ESG vẫn mang tính phân kỳ do sự khác biệt về bối cảnh kinh tế, xã hội và thể chế của từng quốc gia. Quá trình điều chỉnh ESG vừa chịu tác động của các tác nhân trong hệ sinh thái ESG toàn cầu, vừa được định hình bởi tính địa phương, tạo nên sự đan xen giữa hội tụ và phân kỳ trong thiết kế chính sách quản lý ESG ở mỗi nước.

Sẽ khó lường trước được xu hướng phát triển dưới áp lực toàn cầu, do đó, mỗi quốc gia cần cân nhắc kỹ lưỡng giữa việc áp dụng các quy định bắt buộc hay tự nguyện, cũng như lựa chọn nội dung và phạm vi quy định liên quan đến quản lý ESG phù hợp với bối cảnh quốc gia và yêu cầu của thị trường quốc tế.

Hiện tại, quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quản lý ESG thể hiện qua một số văn bản quan trọng. Trước tiên, Nghị quyết 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 về phát triển bền vững để thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong các ngành, các cấp và các địa phương từ năm 2020 đến năm 2030. Tiếp đó, Quyết định 167/QĐ-TTg ngày 08/02/2022 về phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025, nhằm khuyến khích doanh nghiệp triển khai các hoạt động ESG trong kinh doanh. Bên cạnh đó, trên cơ sở Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, Thủ tướng đã ký Quyết định số 843/QĐ-TTg ban hành Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm

giai đoạn 2023 - 2027 (gọi tắt là NAP). Ngoài ra, tương tự Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, Canada có yêu cầu về báo cáo phát triển bền vững được đưa ra bởi cơ quan quản lý chứng khoán [39], Việt Nam đã ban hành Thông tư 96/2020/TT-BTC về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán vào ngày 16/11/2020. Quy định này giúp các doanh nghiệp quản lý rủi ro và cơ hội liên quan đến các vấn đề bền vững. Thêm vào đó, trong từng lĩnh vực môi trường, xã hội và quản trị cũng có luật, bộ luật, nghị định, thông tư điều chỉnh [40]. Đặc biệt, Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân nhấn mạnh việc thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân áp dụng các tiêu chuẩn quản trị và đầu tư bền vững, trong đó bao gồm các nguyên tắc ESG. Nghị quyết này không chỉ định hướng chính sách phát triển kinh tế tư nhân, mà còn tạo cơ sở pháp lý quan trọng để khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam tích hợp ESG trong quản trị và chuỗi cung ứng.

Như vậy, khuôn khổ pháp lý quản lý ESG của Việt Nam đã tồn tại nhưng còn phân tán và đang tồn tại dưới dạng những quy định áp dụng cho doanh nghiệp nói chung. Bên cạnh quy định mang tính bắt buộc, cũng có hướng dẫn mang tính khuyến khích tham khảo và thực hiện. Hiện nay có các hướng dẫn quốc tế về thực hiện và báo cáo ESG để hỗ trợ doanh nghiệp thúc đẩy ESG như tiêu chuẩn GRI, SASB, UN SDG, IIRC, CDP, CDSB, TCFD, GHG Protocol, SBTi, AA1000 AS, trong đó GRI vẫn là tiêu chuẩn chiếm ưu thế nhất được sử dụng trên toàn thế giới [41]. Ở Việt Nam, VCCI cũng ban hành nhiều hướng dẫn, trong đó có Hướng dẫn về Bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững (CSI). Bên cạnh đó, doanh nghiệp có thể tham khảo các tài liệu hướng dẫn của OECD, PwC và các hiệp hội ngành nghề.

Theo kết quả khảo sát các doanh nghiệp Việt Nam, 80% doanh nghiệp đã có hoặc dự định tham gia ESG, có đến 34% không có chương trình ESG và chỉ có 22% doanh nghiệp có chương trình ESG toàn diện; đồng thời mức độ các doanh nghiệp chú trọng vào báo cáo ESG không cao [37]. Như vậy, việc triển khai thực

hiện ESG chưa đạt được hiệu quả ở diện rộng. Một số thách thức vẫn đang được đặt ra để giải quyết như: vấn đề nhận thức về tầm quan trọng của việc thực hành tốt ESG và đầu tư đúng mức cho việc này; chi phí để doanh nghiệp theo đuổi ESG trong hoạt động kinh doanh của mình; kinh nghiệm và kỹ năng xây dựng một khung quản trị ESG mạnh mẽ của doanh nghiệp; khung pháp lý hướng dẫn cụ thể về cách thức thực hành ESG;...

Từ những phân tích trên đây, bài viết đề ra một số gợi mở về chính sách quản lý ESG ở Việt Nam như sau:

Thứ nhất, tham khảo quy định TR của EU, nên xây dựng quy định định nghĩa và phân loại hoạt động kinh tế bền vững. Đồng thời, cần thành lập cơ quan chuyên trách để cập nhật quy định, giám sát hoạt động nhằm đảm bảo tính linh hoạt và khả năng thích ứng đối với sự thay đổi về kinh tế - xã hội. Việc có khung pháp lý rõ ràng về phân loại hoạt động bền vững sẽ góp phần đẩy nhanh quá trình “bền vững hóa” nền kinh tế.

Thứ hai, trên cơ sở kinh nghiệm của SFDR và CSRD của EU, nên áp dụng yêu cầu công khai thông tin ESG đối với doanh nghiệp thuộc các quy mô khác nhau. Phương án đề xuất là xây dựng lộ trình và có hướng dẫn áp dụng riêng cho từng nhóm doanh nghiệp. Hiện tại, ESG đang là con đường bắt buộc của doanh nghiệp, do đó báo cáo về ESG cần được quy định, triển khai và hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện lan rộng đến toàn thể doanh nghiệp. Điều này góp phần thúc đẩy tính minh bạch, giúp các bên đánh giá được rủi ro và cơ hội một cách toàn diện; đồng thời gia tăng trách nhiệm của các chủ thể liên quan.

Thứ ba, vận dụng kinh nghiệm từ CSDDD của EU, LkSG của Đức, Luật Nghĩa vụ cảnh giác của doanh nghiệp do Pháp ban hành, nên sớm có quy định về việc yêu cầu doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam tuân thủ tiêu chuẩn về ESG, cũng như kiểm soát tối đa việc tuân thủ ESG trong chuỗi cung ứng mà mình tham gia. Đây là yếu tố đặc biệt quan trọng trong bối cảnh Việt Nam đang ngày càng gia nhập sâu và rộng vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Thứ tư, tiếp cận kinh nghiệm từ Bộ quy tắc

quản lý đầu tư của một số quốc gia như Anh, Thụy Sĩ, Ý,... nên ban hành quy định về quản lý ESG tập trung thống nhất. Điều này sẽ góp phần nâng cao nhận thức của xã hội cũng như hiệu quả thực hiện của doanh nghiệp hơn, đặc biệt là trong bối cảnh khung pháp lý của Việt Nam về ESG còn sơ khai và phân tán

Thứ năm, xây dựng biện pháp ngăn chặn “tẩy xanh”, để bảo vệ người tiêu dùng và nhà đầu tư khỏi những thông tin sai lệch hoặc gây nhầm lẫn về tính bền vững của các sản phẩm và dịch vụ. Cơ quan quản lý thị trường có thể được giao nhiệm vụ xây dựng quy trình kiểm tra và phạt hành chính đối với các hành vi “tẩy xanh”.

Thứ sáu, khuyến khích các tổ chức tài chính phát triển sản phẩm tài chính xanh, đồng thời nghiên cứu cơ chế khuyến khích đầu tư vào các dự án bền vững như miễn thuế, hỗ trợ tài chính hoặc các ưu đãi khác để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực thân thiện với môi trường.

Ngoài ra, cần tăng cường nhận thức cộng đồng, đặc biệt là doanh nghiệp, về ý nghĩa và lợi ích của ESG; đồng thời thiết kế các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trong quá trình chuyển đổi sang mô hình phát triển bền vững và tuân thủ các chuẩn mực ESG.

## 5. Kết luận

ESG đang trở thành một xu hướng quản lý tất yếu trong bối cảnh toàn cầu và các cam kết phát triển bền vững. Bài viết đã phân tích hệ sinh thái quản lý ESG toàn cầu, đồng thời khảo cứu một số mô hình lập pháp tiêu biểu. Qua đó, có thể nhận thấy một xu hướng hội tụ dần về chuẩn mực quản lý ESG, đặc biệt trong lĩnh vực công bố thông tin và trách nhiệm thẩm định của doanh nghiệp có hoạt động xuyên quốc gia, song vẫn tồn tại sự khác biệt nhất định do đặc thù kinh tế, xã hội và thể chế của từng quốc gia. Từ kinh nghiệm lập pháp quốc tế, bài viết đề xuất một số gợi mở cho Việt Nam trong công tác hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý ESG theo hướng thống nhất, từng bước tiệm cận chuẩn mực quốc tế và hài hòa với điều kiện thực tiễn trong nước. Việc xây dựng chính sách quản lý ESG không

chỉ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng tiếp cận thị trường toàn cầu của doanh nghiệp Việt Nam, mà còn là công cụ quan trọng để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững và bảo đảm quyền con người trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

### Tài liệu tham khảo

- [1] UN Global Compact, The Ten Principles of the UN Global Compact. <https://unglobalcompact.org/what-is-gc/mission/principles> (accessed on: October 27<sup>th</sup>, 2025).
- [2] IFC, Setting ESG Standards & Advancing Sustainable Finance. <https://www.ifc.org/en/what-we-do/sector-expertise/sustainability> (accessed on: October 27<sup>th</sup>, 2025).
- [3] OECD, ESG Rating and Climate Transition. [https://www.oecd.org/en/publications/esg-ratings-and-climate-transition\\_2fa21143-en.html](https://www.oecd.org/en/publications/esg-ratings-and-climate-transition_2fa21143-en.html) (accessed on: October 27<sup>th</sup>, 2025).
- [4] Ferrarini, Guido and Siri, Michele, Stewardship and ESG in Europe, European Corporate Governance Institute - Law Working Paper No. 743/2023. <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.4651834>.
- [5] N. T. Q. Anh, Hệ sinh thái quản lý ESG và hàm ý chính sách cho Việt Nam, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia "Những vấn đề pháp lý của Liên minh châu Âu về thị trường ESG mới nổi và gợi mở chính sách cho Việt Nam", NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2024, tr. 290 - 306. <https://enxb.neu.edu.vn/ebook-free/11499/0/1> (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [6] Wikipedia, Stewardship Code. [https://en.wikipedia.org/wiki/Stewardship\\_Code](https://en.wikipedia.org/wiki/Stewardship_Code) (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [7] UN, Support Sustainable Development and Climate Action. <https://www.un.org/en/our-work/support-sustainable-development-and-climate-action> (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [8] PRI, About the PRI. <https://www.unpri.org/pri/about-the-pri> (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [9] UNEP FI, About Net-Zero Asset Owner Alliance. <https://www.unepfi.org/net-zero-alliance/about/> (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [10] Net Zero Asset Managers Initiative, Signatories, <https://www.netzeroassetmanagers.org/signatories/> (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [11] [https://vi.wikipedia.org/wiki/Di%E1%BB%85n\\_%C4%91%C3%A0n\\_Kinh\\_t%E1%BA%BF\\_th%E1%BA%BF\\_gi%E1%BB%9Bi](https://vi.wikipedia.org/wiki/Di%E1%BB%85n_%C4%91%C3%A0n_Kinh_t%E1%BA%BF_th%E1%BA%BF_gi%E1%BB%9Bi) (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [12] OECD, <https://www.oecd.org/en.html> (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [13] E. Pollman, The Making and Meaning of ESG. University of Pennsylvania, Institute for Law & Economics Research Paper No. 22-23, European Corporate Governance Institute-Law Working Paper No. 659/2022, pp. 20 - 28. <https://ssrn.com/abstract=4219857> (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [14] Shareaction, Investor Initiatives. <https://www.shareaction.org/what-we-do/investor-initiatives> (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [15] Theshareholdercommons. <https://theshareholdercommons.com/> (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [16] ACGA. <https://www.acga-asia.org/> (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [17] GSIA. <https://www.gsi-alliance.org/aboutus/>, (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [18] ICGN. <https://www.icgn.org/about> (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [19] EFAMA. <https://www.efama.org/about-us/our-mission-role> (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [20] CA100+, <https://www.climateaction100.org/> (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [21] Investors Against Slavery and Trafficking Asia Pacific. <https://www.iastapac.org/>, (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [22] FRC, UK Stewardship Code 2020. <https://www.frc.org.uk/investors/uk-stewardship-code> (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [23] <https://www.assogestioni.it/articolo/principi-italiani-di-stewardship> (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [24] European Parliament, Directive 2014/95/EU of the European Parliament and of the Council of 22 October 2014 Amending Directive 2013/34/EU as Regards Disclosure of Non-Financial and Diversity Information by Certain Large Undertakings and Groups, Official Journal of the European Union, November 2014. <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A32014L0095&qid=1726142805620>, (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [25] Esposito, EU Taxonomies on ESG Regulation, Iason Research Paper Series No. 46/2022. <https://www.iasonltd.com/research/research->

- paper-series/eu-taxonomies-on-esg-regulation (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [26] Willem Pieter de Groen et al., Study on the Non-Financial Reporting Directive, Final Report, 2020, pp. 35 - 41. <https://op.europa.eu/en/publication-detail/-/publication/1ef8fe0e-98e1-11eb-b85c-01aa75ed71a1/language-en> (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [27] R. Odoša, K. Marošević, Expected Contributions of the European Corporate Sustainability Reporting Directive (CSRD) to the Sustainable Development of the European Union, EU and Comparative Law Issues and Challenges Series (ECLIC), 7, pp. 593 - 612. <https://doi.org/10.25234/ecllc/27463>.
- [28] European Parliament, Regulation (EU) 2019/2088 of the European Parliament and of the Council of 27 November 2019 on Sustainability-Related Disclosures in the Financial Services Sector, Official Journal of the European Union, December 2019, <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:32019R2088&qid=1726145711481> (accessed on: December 12<sup>th</sup>, 2019).
- [29] Ahlström, H.; Monciardini, D., The Regulatory Dynamics of Sustainable Finance: Paradoxical Success and Limitations of EU Reforms, *Journal of Business Ethics* (2022) 177, pp.193 - 212. <https://doi.org/10.1007/s10551-021-04763-x>.
- [30] European Parliament, Regulation EU 2020/852 of the European Parliament and of the Council of 18 June 2020 on the Establishment of a Framework to Facilitate Sustainable Investment, and Amending Regulation (EU) 2019/2088, Official Journal of the European Union, June 2020. <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A32020R0852&qid=1726140910680> (accessed on: July 12<sup>th</sup>, 2020).
- [31] European Parliament, Directive (EU) 2022/2464 of the European Parliament and of the Council of 14 December 2022 amending Regulation (EU) No 537/2014, Directive 2004/109/EC, Directive 2006/43/EC and Directive 2013/34/EU, as regards Corporate Sustainability Reporting, Official Journal of the European Union, December 2022. <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A32022L2464&qid=1726145424005>, (accessed on: January 15<sup>th</sup>, 2023).
- [32] European Parliament, Directive (EU) 2024/1760 of the European Parliament and of the Council of 13 June 2024 on Corporate Sustainability Due Diligence and Amending Directive (EU) 2019/1937 and Regulation (EU) 2023/2859, Official Journal of the European Union, July 2024. <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/ALL/?uri=CELEX:32024L1760>, (date of effect: 25/7/2024).
- [33] Silvia, Ciacchi, The Newly-Adopted Corporate Sustainability Due Diligence Directive: an Overview of the Lawmaking Process and Analysis of the final text, *ERA Forum* (2024) 25, pp.29-48. <https://doi.org/10.1007/s12027-024-00791-y>.
- [34] Respect, French Corporate Duty of Vigilance Law 2017, <https://respect.international/french-corporate-duty-of-vigilance-law-english-translation/> (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [35] COE, <https://www.coe.int/en/web/human-rights-intergovernmental-cooperation/-/mandatory-due-diligence-legislation-1> (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [36] [https://www.legifrance.gouv.fr/codes/section\\_lc/LEGITEXT000005634379/LEGISCTA000006161273/?anchor=LEGIARTI000034291364#LEGIARTI000034291364](https://www.legifrance.gouv.fr/codes/section_lc/LEGITEXT000005634379/LEGISCTA000006161273/?anchor=LEGIARTI000034291364#LEGIARTI000034291364) (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [37] <https://vietnam.diplo.de/blob/2518360/82f189e70de7b9f3fc726b0340355f1e/220322-lksg-vnm-data.pdf> (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [38] Anna, Mittwoch., Fernanda, Luisa, Bremerkamp, The German Supply Chain Act - A Sustainable Regulatory Framework for Internationally Active Market Players?, *Review of European and Comparative Law*, Vol. 55 No. 4 (2023), pp.189-219. <https://doi.org/10.31743/recl.16677>.
- [39] Sustainability Reporting Guide, 3<sup>rd</sup> Edition. [https://bursaacademy.s3.ap-southeast-1.amazonaws.com/Print-PDF/Sustainability%20Reporting%20Guide%202022\\_FINAL.pdf](https://bursaacademy.s3.ap-southeast-1.amazonaws.com/Print-PDF/Sustainability%20Reporting%20Guide%202022_FINAL.pdf) (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [40] H. D. Ngân, Hành trình ESG của Việt Nam: Thực trạng và giải pháp, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo online*: <https://kinhtevadubao.vn/hanh-trinh-esg-cua-viet-nam-thuc-trang-va-giai-phap-28995.html>, 2024, (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).
- [41] N. T. P. Dung, P. H. Toàn, N. T. Linh, H. T. Hằng, L. T. Hiếu, Tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị: Nội hàm và các hướng dẫn thực hiện, <https://tapchitaichinh.vn/tieu-chuan-moi-truong-xa-hoi-va-quan-tri-noi-ham-va-cac-huong-dan-thuc-hien.html> (accessed on: December 16<sup>th</sup>, 2024).